



DẠY VÀ HỌC MÔN HÓA HỌC CỦA HỆ BÁC SĨ ĐA KHOA Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI - THỰC TRẠNG - NGUYỄN NHÂN - GIẢI PHÁP

ThS. NGUYỄN THỊ NGUYỆT
Trường Đại học Y Hà Nội

Trường Đại học Y Hà Nội là một trong những trường đào tạo bác sĩ đa khoa (BSĐK) hàng đầu trong cả nước. Là ngành khoa học sức khỏe nên các môn học mà sinh viên đa khoa phải học trong 6 năm liên quan chủ yếu đến y học. Để tạo điều kiện cho việc tiếp thu các môn chuyên ngành, sinh viên trường Y nói chung và hệ BSĐK nói riêng được học các môn cơ bản như Giải phẫu, Hóa học, Vật lí, Sinh học,...ở năm thứ nhất đại học.

1. Thực trạng

Theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường Đại học Y Hà Nội thi tuyển các môn Toán, Hóa, Sinh. Trong những năm gần đây, điểm trúng tuyển hệ BSĐK của trường tương đối cao, thường đứng ở tốp trên trong thang điểm xét tuyển của các trường đại học, đa số sinh viên y khoa đã có kiến thức khá vững về Hóa học cơ bản. Theo quyết định số 12/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 4 năm 2001, khung chương trình đào tạo bác sĩ (áp dụng cho hệ BSĐK, BS răng hàm mặt, BS y học cổ truyền) do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, môn Hóa học được chia làm hai học phần, thuộc nhóm các môn khoa học cơ bản [1], ở bảng 1:

Bảng 1: Nhóm các môn khoa học cơ bản

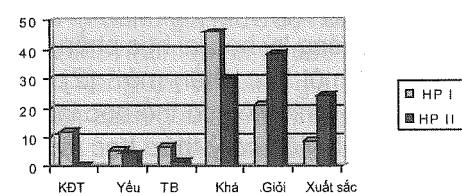
Nội dung	Học phần I		Học phần II	
	Hóa đại cương I	01 dvht	Hóa đại cương II	01 dvht
	Hóa hữu cơ	02 dvht	Hóa vô cơ	02 dvht
	đơn vị học trình (dvht)		Thực hành	01 dvht

dvht: đơn vị học trình

Hóa học trang bị kiến thức cơ bản và một số ứng dụng trong y học giúp sinh viên tiếp thu các môn học khác như Hóa sinh, Sinh lí, Dược lí, Dinh dưỡng, Vệ sinh môi trường,...Kết quả học tập môn Hóa học của sinh viên đa khoa thể hiện ở điểm tổng hợp đánh giá học phần (điểm học phần) trong hai năm gần đây như bảng 2:

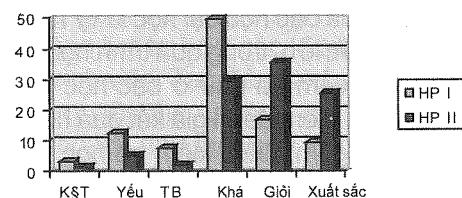
Bảng 2: Số liệu về kết quả điểm học phần năm học 2008-2009 và 2009-2010

Kết quả	Năm học 2008 - 2009		Năm học 2009 - 2010	
	Học phần I	Học phần II	Học phần I	Học phần II
Không được thi	54	02	21	08
Điểm 0 (bỏ thi)	0	02	0	05
Điểm 1	01	04	04	03
Điểm 2	02	02	09	03
Điểm 3	05	03	23	08
Điểm 4	18	11	36	10
Điểm 5	30	08	44	13
Điểm 6	84	41	135	56
Điểm 7	126	97	147	112
Điểm 8	96	176	96	202
Điểm 9	38	107	48	145
Điểm 10	01	03	07	02
Số lượng sinh viên	455	455	570	567



Kết: không được thi

Năm học 2008-2009



Năm học 2009-2010

Sơ đồ: Tỉ lệ xếp loại điểm học phần (HP)



Các số liệu thu được ở trên cho thấy rõ sự khác biệt về kết quả học tập giữa hai học phần, học phần I có kết quả thấp hơn học phần II. Để giải thích hiện tượng này có thể phân tích các nguyên nhân sau:

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan:

Những năm gần đây nền giáo dục nước ta đã có nhiều đổi mới về chương trình, sách giáo khoa và phương pháp dạy học. Tuy nhiên việc dạy, học ở một số trường phổ thông cũng như đại học vẫn chịu tác động nặng nề bởi mục tiêu thi cử. Với bậc đại học, việc giảng dạy cho sinh viên ở đa số các ngành nghề, môn học vẫn chưa có sự thay đổi đáng kể, theo kịp nhu cầu phát triển của xã hội. Như nhiều trường đại học khác, việc dạy và học môn Hóa học với sinh viên hệ BSĐK ở trường Đại học Y Hà Nội cũng không ngoại lệ. Do đặc thù nghề nghiệp, nhiều người thường quan niệm, để trở thành một bác sĩ giỏi sinh viên cần có kiến thức lâm sàng giỏi. Điều này hoàn toàn đúng nhưng chưa đủ. Muốn trở thành bác sĩ, các sinh viên đa khoa phải học lâu hơn so với các ngành nghề khác trong xã hội. Để học nghề, sinh viên không chỉ học khám và chữa bệnh mà còn học rất nhiều các kiến thức hỗ trợ cho việc hành nghề sau này. Trong đó, việc học các môn cơ bản thường không được chú trọng đúng mức. Theo "Qui chế đào tạo đại học hệ chính quy" của trường Đại học Y Hà Nội ban hành ngày 19 tháng 9 năm 2006, khoản 8 điều 12 chương II qui định: "sinh viên nếu không đạt ở cả hai kì thi chính và phụ được quyền đăng ký học lại học phần này ở năm sau như với một học phần mới" [2]. Quyền lợi trên cho phép sinh viên có thể học lại nhiều lần, với những sinh viên có ý thức học tập không tốt dễ nảy sinh tư tưởng ỷ lại, không cố gắng. Cũng trong quy chế này, sinh viên không bắt buộc phải đến lớp mà có thể tự học ở nhà vì vậy khi có những lí do nào đó sinh viên thường dễ bỏ tiết nhiều hơn.

Đặc điểm của bậc học đại học là tự học với khối lượng kiến thức lớn, trong quá trình học tập không có nhiều bài kiểm tra như ở bậc học phổ thông. Theo qui định, điểm đánh giá kết quả học tập môn Hóa học bao gồm: điểm kiểm tra học trình, điểm chuyên cần, điểm thực hành (các điểm này không quá 50% trọng số trong điểm tổng hợp đánh giá học phần) và điểm thi kết thúc học phần [2].

Xã hội ngày càng phát triển, đời sống được

nâng cao, nhu cầu được khám chữa bệnh với chất lượng tốt của người dân ngày càng tăng. Để phục vụ cho việc chăm sóc sức khỏe nhân dân, chỉ tiêu tuyển sinh của trường Đại học Y Hà Nội cũng tăng lên so với các năm học trước đó. Do đặc thù của trường Y liên quan chặt chẽ với thực hành tại bệnh viện, năm thứ nhất tất cả sinh viên của hệ đào tạo bác sĩ đều học chung chương trình cơ bản. Số lượng sinh viên học một môn tại cùng thời điểm rất đông, sinh viên phải đi thực hành nhiều nên giảng đường học lớ thuyết thường có trên dưới 100 sinh viên. Đặc điểm học tập này gây ra không ít khó khăn cho cán bộ giảng dạy cũng như sinh viên.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

2.2.1. Từ phía người học.

Những năm gần đây, việc dạy và học của cấp học phổ thông đã có nhiều đổi mới, ở nhiều trường sinh viên đã bước đầu làm quen với việc chủ động trong học tập, tự học, tự khám phá kiến thức, tuy nhiên số lượng sinh viên này không nhiều. Phần lớn sinh viên năm thứ nhất phải mất khá nhiều thời gian để thích nghi với sự thay đổi môi trường học tập và cả môi trường sống (với các sinh viên ngoại tỉnh) cũng là một trở ngại đáng kể cho việc học tập ở năm thứ nhất đại học.

Giảng đường đông làm cho đa số sinh viên không muốn phát biểu ý kiến xây dựng bài, ngại hỏi bài khi có vấn đề chưa hiểu. Tuy nhiên thuận lợi rất lớn của sinh viên ngày nay đó là tài liệu và phương tiện học tập. Khoa học, công nghệ thông tin ngày càng phát triển vượt bậc, sinh viên có đầy đủ giáo trình để theo dõi khi nghe giảng, có thể tra cứu thêm thông tin qua rất nhiều kênh khác nhau như mạng internet, sách tham khảo,...

Trong giáo trình ở bậc đại học, sau mỗi chương, bài không có phần luyện tập hoặc ghi nhớ như sách giáo khoa phổ thông, đa số sinh viên chưa có kỹ năng tự học, chưa biết dựa theo mục tiêu bài học để lĩnh hội kiến thức của bài học đó. Nếu không có một quá trình học tập và tích lũy ngay từ đầu năm thì điều này không dễ dàng đối với sinh viên khi chỉ học trong khoảng thời gian ngắn trước khi thi. Giữa học kì I, khi phòng vấn sơ bộ sinh viên Y1 về thời gian tự học và nội dung kiến thức môn Hóa học, phần lớn sinh viên đã trả lời như sau: Về thái độ: "học nhàn hơn, không phải kiểm tra thường xuyên nên chưa học". Về nội dung, nhiều sinh viên nhận xét: "kiến thức không khó nhưng không biết phải học thế nào". Với những sinh viên tích cực trong học tập, nội dung



môn Hóa mang lại nhiều kiến thức bổ ích trong y học, nếu biết cách học theo mục tiêu bài học sẽ không khó.

Do có kiến thức ở phổ thông tương đối vững nên với đa số sinh viên, môn Hóa học không khó, không ảnh hưởng trực tiếp đến việc hành nghề sau khi tốt nghiệp. Hầu hết sinh viên khi được hỏi đều trả lời: "thời gian tự học nhiều nhất là Giải phẫu, sau đó mới đến các môn khác". Sự chủ quan này của sinh viên đã dẫn đến kết quả học tập của học phần I không cao. Bước sang học phần II, việc học tập đã dần ổn định, thích nghi với môi trường mới, sinh viên đã biết cách tự học và điều chỉnh thời gian hợp lý hơn. Do đó kết quả đánh giá học tập của học phần II luôn cao hơn học phần I (như đã nêu ở trên).

2.2.2. Từ phía người dạy.

Phần lớn giảng viên vẫn theo phương pháp giảng dạy truyền thống. Việc giảng dạy trên các giảng đường có quá đông sinh viên cũng hạn chế không nhỏ đến việc đổi mới phương pháp dạy học. Cho đến hiện nay, đa số cán bộ giảng dạy Hóa đều sử dụng bảng phấn làm phương tiện dạy học. Sinh viên không tự mình chủ động trong việc học tập đồng thời không được sự tạo điều kiện và khuyến khích của giảng viên càng trở nên thụ động hơn trong việc tiếp thu kiến thức.

Cơ chế làm việc hiện nay không phát huy được tính tích cực của người dạy. Do thu nhập từ lương không cao, phần lớn giảng viên phải tranh thủ làm thêm bên ngoài để đảm bảo đời sống vì vậy không khuyến khích được sự say mê với nghề.

Số lượng sinh viên ngày càng đông, mối quan hệ hai chiều giữa người dạy và người học ngày càng lỏng lẻo. Sự phản hồi từ người học đến người dạy chỉ thông qua các bài kiểm tra. Việc tổ chức cho sinh viên kiểm tra và chấm bài vẫn thực hiện theo phương pháp truyền thống chưa được cải tiến.

Đo giảng đường đông sinh viên để giảm tình trạng gian lận trong cùng một lớp cũng như giữa các lớp, giảng viên phải ra rất nhiều đề, mất thời gian và phức tạp khi chấm bài. Sự khó khăn này càng hạn chế lượng thông tin phản hồi từ người học đến người dạy, giảng viên truyền thụ kiến thức một chiều, không kịp thời điều chỉnh cách dạy cho phù hợp.

Đối với người dạy, khối lượng kiến thức cung cấp cho sinh viên không lớn, chủ yếu là các kiến thức cơ bản, ít có sự đổi mới nên người dạy thường chủ quan trong việc chuẩn bị bài. Đa số giảng viên chưa đầu tư nhiều thời gian và công

sức cho bài giảng, chưa cập nhật nội dung kiến thức mới có ích cho sinh viên trong việc hành nghề sau này, bài giảng chưa phong phú, chưa thu hút được sinh viên đến lớp. Một số giảng viên chỉ chú trọng truyền tải nội dung kiến thức mà không quan tâm hướng dẫn cho sinh viên cách tự học phù hợp.

3. Giải pháp

Từ thực trạng dạy và học nêu trên, để nâng cao chất lượng đào tạo trong những năm học tới cần phải có *những giải pháp thích hợp*. Cụ thể là:

3.1. Voi nhà trường: Cần có phương án giảm số lượng sinh viên trong một lớp. Tạo điều kiện để các cán bộ giảng dạy hoàn thiện ngân hàng câu hỏi phù hợp cho việc đánh giá kết quả kịp thời và chính xác. Trong điều kiện có thể trang bị thêm các phương tiện hỗ trợ cho việc thi và chấm bài (ví dụ như máy tính, máy chấm,...). Có qui định cụ thể về việc kiểm tra sinh viên định kì để khuyến khích hoặc bắt buộc giảng viên tham gia. Tạo điều kiện để giảng viên tiếp cận được các phương pháp dạy học tích cực, khuyến khích đổi mới các phương pháp dạy học.

3.2. Voi người học: Cần đưa ra những qui định cụ thể hơn trong việc đến lớp nghe giảng lý thuyết và tham gia các bài thực hành tại phòng thí nghiệm. Phát huy tinh thần say mê của sinh viên trong việc tự học, tự khám phá kiến thức mới. Tăng cường kỹ năng làm việc theo nhóm. Trước những vấn đề được giảng viên gợi ý, sinh viên thành lập các nhóm học tập, tự xây dựng mục tiêu cần đạt được khi lĩnh hội kiến thức, lập kế hoạch thực hiện và tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu đã đề ra của nhóm mình và các nhóm khác từ đó phát triển năng lực tự đánh giá để điều chỉnh cách học, biết cách giải quyết những vấn đề này sinh trong các tình huống thực tế.

3.3. Voi người dạy: Phân tích để sinh viên hiểu rõ hơn sự cần thiết của môn học. Tổ chức cho sinh viên học tập theo các phương pháp dạy học mới, phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của sinh viên. Tăng cường sự định hướng, kiểm tra hoạt động nhận thức, chú trọng các năng lực tự học, các kĩ năng giải quyết vấn đề của sinh viên. Tạo điều kiện và hướng dẫn sinh viên làm việc theo nhóm. Hướng dẫn sinh viên lập kế hoạch, thu thập, xử lý các thông tin, trình bày, đánh giá kết quả đạt được và rút kinh nghiệm, khuyến khích động viên kịp thời. Giảng viên đánh giá, chấm điểm thường xuyên nhằm

(Xem tiếp trang 49)